

Bản án số: 103/2022/DS-ST  
Ngày : 17/02/2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Đoàn Văn Hùng
- Bà Nguyễn Đông Xuân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận P.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân:** Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận P.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 997/2020/TLST-DS ngày 21/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ST  
Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D-Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Trọng H, sinh năm: 1983, (theo Giấy ủy quyền số 198/2020/UQ-CNQ4 ngày 27/11/2020).

Địa chỉ: phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm: 1966

Thường trú: Số K đường M, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 03/8/2019, ông Phạm Ngọc T có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân hàng TMCP ST. Căn cứ vào mức thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có mã số thẻ 472075-1386 với hạn mức sử dụng của thẻ là 30.000.000đồng, mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 30.000.000đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 2.000.000đồng rồi ngưng từ tháng 10/2019 đến nay. Mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhưng ông T vẫn không thanh toán thêm bất cứ khoản nào.

Từ ngày 22/01/2020, Ngân hàng TMCP ST đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 34.230.318đồng sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP ST yêu cầu Tòa án buộc ông T phải thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ: 67.916.061đồng (nợ gốc: 34.230.318đồng, nợ lãi quá hạn: 33.685.743đồng).

Tại biên bản hòa giải không thành và tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng TMCP ST yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Ngọc T phải thanh toán ngay một lần tổng số tiền nợ của thẻ tín dụng có mã số thẻ 472075-1386 là 67.916.061đồng (nợ gốc: 34.230.318đồng, nợ lãi quá hạn: 33.685.743đồng).

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phạm Ngọc T vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP ST.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Về quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP ST và ông Phạm Ngọc T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: ông Phạm Ngọc T có nơi cư trú tại địa chỉ: Số K đường M, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Toà án nhân dân quận Phú Nhuận đã tiến hành niêm yết công khai hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm bản tự khai, hòa giải-tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử theo quy định của pháp luật đối với ông T. Nhưng ông T vẫn không có mặt tại phiên tòa. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Ngọc T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP ST, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/8/2019, được lập và có chữ ký xác nhận giữa Ngân hàng TMCP ST và ông Phạm Ngọc T đủ cơ sở để xác định Ngân hàng TMCP ST đã cấp thẻ tín dụng có mã số thẻ 472075-1386 cho ông T với hạn mức sử dụng được phê duyệt là 30.000.000đồng.

[2.2] Căn cứ vào Điều 18, Điều 19 và Điều 24 phân Trách nhiệm của chủ thẻ tại bảng Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP ST (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 15/8/2019 thì ông T có nghĩa vụ thanh toán số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên TBGD nhưng ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán là đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Theo xác nhận của Ngân hàng TMCP ST, ông Phạm Ngọc T còn nợ Ngân hàng TMCP ST tổng số tiền: 67.916.061đồng (nợ gốc: 34.230.318đồng, nợ lãi quá hạn: 33.685.743đồng) và yêu cầu ông T trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ST, Tòa án nhân dân quận P đã nhiều lần triệu tập ông Phạm Ngọc T đến Tòa để lấy lời khai của ông về những vấn đề liên quan đến vụ án nhưng ông T vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cũng như kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ST đối với ông Phạm Ngọc T là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông T vẫn vắng mặt không có lý do, cũng như không đưa ra bất kỳ một phản hồi nào hoặc chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, ông T phải chịu hậu quả đối với hành vi của mình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử theo trình tự sơ thẩm cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Ngọc T phải chịu. Ngân hàng TMCP ST không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 228, Điều 147, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Phạm Ngọc T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP ST số tiền còn nợ của thẻ tín dụng có mã số thẻ 472075-1386 là 67.916.061 đồng (nợ gốc: 34.230.318 đồng, nợ lãi quá hạn: 33.685.743 đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Ngọc T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/8/2019 của thẻ tín dụng có mã số thẻ 472075-1386 giữa Ngân hàng TMCP ST và ông Phạm Ngọc T.

2. Về án phí:

Ông Phạm Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm là 3.395.803 đồng (Ba triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm lẻ ba đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP ST số tiền tạm ứng án phí 1.181.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0019558 ngày 17/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận P.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND quận P;
- Chi cục THADS quận P;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thụy Bích Ngọc**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đông Xuân      Đoàn Văn Hùng**

**Nguyễn Thụy Bích Ngọc**